

Số: /2026/TT-BTC

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

THÔNG TƯ**Quy định quản lý, sử dụng kinh phí chi thường xuyên từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện hoạt động khuyến nông**

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 115/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 268/2026/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2026 của Chính phủ về khuyến nông;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 29/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 109/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Thanh tra Chính phủ và Nghị định số 166/2025/NĐ-CP;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tài chính - Kinh tế ngành;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định quản lý, sử dụng kinh phí chi thường xuyên từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện hoạt động khuyến nông.

Chương I**QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng****1. Phạm vi điều chỉnh**

a) Thông tư này quy định việc quản lý, sử dụng kinh phí chi thường xuyên từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện hoạt động khuyến nông theo quy định tại Nghị định số 268/2026/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2026 của Chính phủ về khuyến nông (sau đây gọi là Nghị định số 268/2026/NĐ-CP)

b) Các quy định về nội dung hoạt động khuyến nông, định mức kinh tế kỹ thuật khuyến nông, nội dung xây dựng mô hình trình diễn và các nội dung chuyên môn nghiệp vụ khuyến nông được thực hiện theo quy định tại Nghị định

số 268/2026/NĐ-CP của Chính phủ và hướng dẫn cụ thể của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

2. Đối tượng áp dụng

a) Tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động khuyến nông và chuyển giao công nghệ trong nông nghiệp tại Việt Nam.

b) Cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động khuyến nông.

Điều 2. Nguồn kinh phí thực hiện hoạt động khuyến nông

1. Nguồn ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí thực hiện hoạt động khuyến nông theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành, thực hiện theo quy định tại Điều 18 Nghị định số 268/2026/NĐ-CP.

2. Nguồn kinh phí lồng ghép với các chương trình, dự án khác để thực hiện mục tiêu của khuyến nông.

3. Ngoài nguồn kinh phí từ ngân sách nhà nước, Nhà nước khuyến khích các tổ chức, cá nhân sử dụng các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật để thực hiện hoạt động khuyến nông. Các đơn vị được vận dụng các quy định tại Thông tư này trong việc sử dụng các nguồn kinh phí hợp pháp khác khi thực hiện hoạt động khuyến nông.

Điều 3. Nguyên tắc quản lý, sử dụng kinh phí khuyến nông

1. Nội dung chi, chính sách hỗ trợ, tỷ lệ và mức hỗ trợ, nguyên tắc hỗ trợ và phương thức thực hiện hoạt động khuyến nông thực hiện theo quy định tại các Điều 13, 14, 15, 16 và 19 Nghị định số 268/2026/NĐ-CP.

2. Nội dung hoạt động khuyến nông, định mức kinh tế kỹ thuật khuyến nông và trình tự, thủ tục xây dựng, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh, quản lý, nghiệm thu chương trình, kế hoạch, dự án, nhiệm vụ khuyến nông thực hiện theo quy định tại các Điều 4, 5, 6, 7, 8 và 9 Nghị định số 268/2026/NĐ-CP và quy định của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

3. Các tổ chức, cá nhân sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước cho hoạt động khuyến nông và chuyển giao công nghệ trong nông nghiệp phải thực hiện theo đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định; chịu sự kiểm tra, kiểm soát của cơ quan chức năng có thẩm quyền; thực hiện quyết toán kinh phí đã sử dụng theo quy định hiện hành. Đối với các nội dung chi chưa có chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi thì thẩm quyền quyết định thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật có liên quan.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1. NỘI DUNG CHI, MỨC CHI HOẠT ĐỘNG KHUYẾN NÔNG TRUNG ƯƠNG

Điều 4. Nội dung chỉ hoạt động khuyến nông trung ương

Nội dung chỉ hoạt động khuyến nông trung ương thực hiện theo quy định tại Nghị định số 268/2026/NĐ-CP gồm:

1. Đào tạo tập huấn, bồi dưỡng: Nội dung, phương thức đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng và chính sách hỗ trợ thực hiện theo quy định tại Điều 4 và Điều 13 Nghị định số 268/2026/NĐ-CP.

2. Thông tin, truyền thông khuyến nông: Nội dung, phương thức thông tin, truyền thông và chính sách hỗ trợ thực hiện theo quy định tại Điều 5 và Điều 14 Nghị định số 268/2026/NĐ-CP.

3. Xây dựng mô hình trình diễn và nhân rộng mô hình

a) Tổ chức, cá nhân tham gia xây dựng và nhân rộng mô hình được hưởng các chính sách hỗ trợ theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 268/2026/NĐ-CP.

b) Nội dung, quy mô, định mức kinh tế kỹ thuật xây dựng và nhân rộng mô hình thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

4. Một số nội dung chi khác theo quy định tại khoản 1 Điều 19 Nghị định số 268/2026/NĐ-CP.

Điều 5. Tiêu chuẩn, định mức, chế độ chi

Chế độ, định mức chi thực hiện các nội dung hoạt động khuyến nông trung ương theo chế độ chi tiêu tài chính hiện hành của nhà nước có thẩm quyền ban hành. Thông tư này hướng dẫn thêm một số chế độ chi như sau:

1. Chi đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng

a) Chi xây dựng chương trình, biên soạn giáo trình, tài liệu, học liệu điện tử phục vụ đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng: thực hiện theo quy định hiện hành của Bộ Tài chính về nội dung, mức chi xây dựng chương trình đào tạo, biên soạn giáo trình.

b) Chi tiền công giảng viên, trợ giảng, báo cáo viên; phụ cấp tiền ăn giảng viên, trợ giảng; chi phí đưa, đón, bố trí nơi ở cho giảng viên, trợ giảng; chi thù lao hướng dẫn viên tham quan, thực hành thao tác kỹ thuật: thực hiện theo quy định tại Thông tư số 100/2025/TT-BTC ngày 28 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức (sau đây gọi là Thông tư số 100/2025/TT-BTC).

c) Chi in ấn tài liệu, giáo trình trực tiếp phục vụ lớp học (không bao gồm tài liệu tham khảo); giải khát giữa giờ; tổ chức cho học viên đi khảo sát, thực tế (nếu có); thuê hội trường, phòng học, thiết bị phục vụ học tập; thuê đường truyền, nền tảng phục vụ đào tạo từ xa, đào tạo trực tuyến (nếu có); vật tư thực hành lớp học; thuê phiên dịch, biên dịch (nếu có); chi tổ chức khai giảng, bế giảng, in chứng chỉ và các khoản chi khác phục vụ trực tiếp lớp học: thực hiện

theo quy định tại Thông tư số 100/2025/TT-BTC. Trường hợp phải thuê cơ sở đào tạo hoặc nhà cung cấp dịch vụ để thực hiện một hoặc một số nội dung nêu trên thì thực hiện theo hợp đồng được ký kết theo quy định của pháp luật; mức chi quy định tại Thông tư số 100/2025/TT-BTC là căn cứ để lập dự toán, xác định giá gói thầu và làm cơ sở thực hiện hợp đồng.

d) Chi hỗ trợ người tham gia đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng, khảo sát học tập khuyến nông: hỗ trợ tối đa 100% chi phí tài liệu, chi phí tiền ăn, đi lại, nơi ở theo quy định tại khoản theo quy định tại khoản 1 Điều 13 Nghị định số 268/2026/NĐ-CP:

- Chi phí tài liệu (không bao gồm tài liệu tham khảo): thanh toán theo thực tế trên cơ sở dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt, có đầy đủ hóa đơn, chứng từ hợp pháp theo quy định;

- Chi phí tiền ăn, đi lại, nơi ở: thực hiện theo quy định về chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC và được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 12/2025/TT-BTC; trong đó, chi phí đi lại thực hiện theo hình thức khoán theo quy định, chi phí nơi ở được thanh toán theo hình thức khoán hoặc theo thực tế, (trong trường hợp cơ sở đào tạo hoặc đơn vị tổ chức đào tạo xác nhận không bố trí được chỗ ở).

đ) Chi khảo sát, học tập trong nước và ngoài nước: đối với khảo sát, học tập trong nước, mức chi thực hiện theo quy định hiện hành của Bộ Tài chính về chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị, riêng mức hỗ trợ tiền ăn áp dụng theo điểm d khoản này; đối với khảo sát, học tập ngoài nước, mức chi thực hiện theo quy định hiện hành của Bộ Tài chính về chế độ công tác phí cho cán bộ, công chức, viên chức đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí.

2. Chi thông tin, truyền thông khuyến nông

a) Chi thông tin, truyền thông trên hệ thống thông tin đại chúng; xuất bản bản tin, tài liệu, ấn phẩm khuyến nông; trang thông tin điện tử khuyến nông: mức chi thực hiện theo quy định của pháp luật về giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên.

b) Chi nhuận bút, thù lao đối với tác phẩm đăng, phát trên bản tin, ấn phẩm, trang thông tin điện tử khuyến nông và trên các phương tiện thông tin đại chúng: mức chi thực hiện theo quy định hiện hành của Chính phủ về chế độ nhuận bút.

c) Chi tổ chức hội chợ, triển lãm hàng nông nghiệp cấp vùng, cấp quốc gia: thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan về hoạt động xúc tiến thương mại.

d) Chi tổ chức diễn đàn, tọa đàm, hội thảo, tham quan học tập, hội nghị sơ kết, tổng kết khuyến nông: Nội dung và mức chi thực hiện theo Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 12/2025/TT-BTC (sau đây gọi chung là Thông tư số 40/2017/TT-BTC) và

Thông tư số 140/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, **chế độ chi hội nghị** đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách bảo đảm kinh phí (sau đây gọi là Thông tư số 140/2025/TT-BTC);

đ) Chi tổ chức hội thi khuyến nông: Nội dung và mức chi thực hiện theo Thông tư số 56/2023/TT-BTC ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở.

e) Chi hỗ trợ chi phí tài liệu, đi lại, tiền ăn, nơi ở cho người tham gia sự kiện khuyến nông theo quy định tại khoản 2 Điều 14 Nghị định số 268/2026/NĐ-CP: mức chi thực hiện theo điểm d khoản 2 Điều 4 Thông tư này.

g) Chi xây dựng, vận hành, cập nhật, quản lý, kết nối, chia sẻ cơ sở dữ liệu và hệ thống thông tin khuyến nông; cổng thông tin điện tử, trang thông tin điện tử, nền tảng số, ứng dụng công nghệ số; thuê đường truyền, lưu trữ dữ liệu, bảo đảm an toàn thông tin: thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật có liên quan.

Điều 6. Chi xây dựng mô hình trình diễn và nhân rộng mô hình

1. Chi xây dựng mô hình trình diễn

Chi phí xây dựng mô hình thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 15 Nghị định số 268/2026/NĐ-CP, trên cơ sở định mức kinh tế - kỹ thuật khuyến nông và dự toán hoặc đơn giá dịch vụ được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Mức hỗ trợ cụ thể mô hình do Bộ Nông nghiệp và Môi trường phê duyệt **phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách**. Mức chi tương ứng thực hiện theo chế độ chi tiêu hiện hành, ngoài ra Thông tư quy định một số nội dung mức chi cụ thể:

a) Chi tài liệu, văn phòng phẩm, vật tư thực hành, thuê hội trường, trang thiết bị phục vụ, xăng xe, thuê xe: **thanh toán theo thực tế trên cơ sở dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt, có đầy đủ hóa đơn, chứng từ hợp pháp theo quy định;**

b) Chi hỗ trợ tiền ăn theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 4 Thông tư này; chi nước uống theo quy định hiện hành của Bộ Tài chính về **chế độ công tác phí**, chi hội nghị;

c) Chi tiền công giảng viên, báo cáo viên (đã bao gồm biên soạn tài liệu): mức chi thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 4 Thông tư này.

d) Chi tư vấn, đào tạo để được cấp chứng nhận tiêu chuẩn chất lượng, an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh, mã số vùng trồng, truy xuất nguồn gốc, chỉ dẫn địa lý đối với sản phẩm của mô hình theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 15 Nghị định số 268/2026/NĐ-CP: mức chi theo hợp đồng với đơn vị cung cấp dịch vụ được lựa chọn theo quy định của pháp luật.

đ) Chi cho người chỉ đạo kỹ thuật xây dựng mô hình theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 15 Nghị định số 268/2026/NĐ-CP: tính bằng mức lương cơ sở chia cho 22 ngày nhân với số ngày thực tế chỉ đạo kỹ thuật tại mô hình. Số ngày chỉ đạo kỹ thuật xác định theo định mức kinh tế kỹ thuật khuyến nông; trường hợp chưa có định mức thì xác định trong dự toán của mô hình được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Chi nhân rộng mô hình

Chi phí nhân rộng mô hình thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 268/2026/NĐ-CP, trên cơ sở định mức kinh tế - kỹ thuật khuyến nông và dự toán hoặc đơn giá dịch vụ được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Mức chi tương ứng thực hiện theo chế độ chi tiêu hiện hành, ngoài ra Thông tư quy định một số nội dung mức chi cụ thể:

a) Chi thông tin, truyền thông, hội nghị, hội thảo, tham quan học tập để phổ biến nhân rộng mô hình theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 15 Nghị định số 268/2026/NĐ-CP: mức chi áp dụng theo quy định tại khoản 2 Điều 4 và khoản 3 Điều 5 Thông tư này.

b) Chi hỗ trợ giống, thiết bị, vật tư thiết yếu để nhân rộng mô hình thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 15 Nghị định số 268/2026/NĐ-CP. Mức hỗ trợ tối đa bằng 60% chi phí xây dựng mô hình quy định tại khoản 3 Điều này.

Điều 7. Mức chi một số nội dung chi khác

1. Thuê chuyên gia trong nước và ngoài nước phục vụ hoạt động khuyến nông, chuyển giao công nghệ và đánh giá hiệu quả, tác động của khuyến nông theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 19 Nghị định số 268/2026/NĐ-CP: thực hiện theo Thông tư số 07/2026/TT-BNV ngày 05 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mức lương của chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở cho việc xác định giá gói thầu;

2. Mua bản quyền tác giả, công nghệ mới phù hợp để chuyển giao gắn với chương trình, kế hoạch, dự án, nhiệm vụ khuyến nông được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 19 Nghị định số 268/2026/NĐ-CP đối với **các bản quyền**, công nghệ không có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước: mức chi theo hợp đồng giữa các bên liên quan theo quy định của pháp luật.

3. Mua sắm trang thiết bị phục vụ hoạt động khuyến nông theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 19 Nghị định số 268/2026/NĐ-CP: thực hiện theo chế độ, tiêu chuẩn, định mức và dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt, theo quy định của pháp luật về đấu thầu và về quản lý, sử dụng tài sản công.

4. Kinh phí quản lý chương trình, kế hoạch, dự án, nhiệm vụ khuyến nông thực hiện theo tỷ lệ quy định tại điểm e khoản 1 Điều 19 Nghị định số 268/2026/NĐ-CP:

a) Nội dung chi từ kinh phí quản lý của cơ quan quản lý khuyến nông: định mức kinh tế kỹ thuật khuyến nông; hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ; xây dựng, giao nhiệm vụ, đặt hàng, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh; khảo sát, đánh giá, kiểm tra, giám sát, nghiệm thu, quyết toán, tổng kết, báo cáo; chi hoạt động của hội đồng tư vấn, thẩm định, nghiệm thu; chi làm thêm giờ theo chế độ quy định; văn phòng phẩm, thông tin liên lạc, điện nước; công tác phí, xăng dầu, thuê phương tiện và chi khác theo định mức, chế độ tài chính hiện hành.

Nội dung và kinh phí do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Mức chi thực hiện theo chế độ chi tiêu tài chính hiện hành trong phạm vi tỷ lệ chi quản lý được phê duyệt.

b) Nội dung chi từ kinh phí quản lý của tổ chức, đơn vị được giao thực hiện: chọn điểm, chọn hộ; tổ chức triển khai, điều hành, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát hiện trường; tổng hợp hồ sơ, nghiệm thu, thanh toán, quyết toán và chi khác theo định mức, chế độ tài chính hiện hành. Đối với các nội dung chi chưa có chế độ chi tiêu tài chính do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định, mức chi thực hiện theo số lượng, khối lượng thực tế và dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

5. Các khoản chi khác phục vụ hoạt động khuyến nông theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 19 Nghị định số 268/2026/NĐ-CP và quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền.

Mục 2

NỘI DUNG CHI, MỨC CHI HOẠT ĐỘNG KHUYẾN NÔNG ĐỊA PHƯƠNG

Điều 8. Nội dung chi, mức chi

1. Nội dung chi: thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 19 Nghị định số 268/2026/NĐ-CP.

2. Mức chi: thực hiện theo quy định tại Mục 1 Chương II Thông tư này, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định cụ thể hoặc giao Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định cụ thể nội dung chi, mức chi, mức hỗ trợ đối với hoạt động khuyến nông địa phương theo thẩm quyền quy định tại điểm h khoản 9 Điều 31 Luật Ngân sách nhà nước, theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành, phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách địa phương.

Đối với hỗ trợ kinh phí hoạt động của tổ, nhóm khuyến nông cộng đồng, mức hỗ trợ thực hiện theo quy định của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo thẩm quyền và trong phạm vi khả năng cân đối của ngân sách địa phương.

Chương III

LẬP DỰ TOÁN, CHẤP HÀNH VÀ QUYẾT TOÁN

Việc lập, chấp hành và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bố trí đối với hoạt động khuyến nông hằng năm thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công, Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, Luật Chuyển đổi số, Điều 20 Nghị định số 268/2026/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật. Ngoài ra, Thông tư này hướng dẫn một số nội dung như sau:

Điều 9. Lập và phân bổ dự toán

1. Đối với kinh phí khuyến nông trung ương:

a) Hằng năm, căn cứ chương trình, kế hoạch, dự án, nhiệm vụ khuyến nông được cấp có thẩm quyền phê duyệt, căn cứ chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi hiện hành, Bộ Nông nghiệp và Môi trường lập dự toán kinh phí khuyến nông trung ương, tổng hợp trong dự toán ngân sách nhà nước của Bộ, gửi Bộ Tài chính tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

b) Căn cứ dự toán ngân sách nhà nước được cấp có thẩm quyền giao, Bộ Nông nghiệp và Môi trường phân bổ dự toán cho các đơn vị sử dụng ngân sách thực hiện nhiệm vụ khuyến nông trung ương theo quy định của pháp luật.

2. Đối với kinh phí khuyến nông địa phương:

a) Hằng năm, căn cứ chương trình, kế hoạch, dự án, nhiệm vụ khuyến nông được cấp có thẩm quyền phê duyệt và chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi hiện hành, cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ khuyến nông địa phương lập dự toán kinh phí, gửi cơ quan tài chính cùng cấp tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

b) Căn cứ dự toán được cấp có thẩm quyền giao, cơ quan, đơn vị được giao dự toán thực hiện phân bổ kinh phí cho các đơn vị sử dụng ngân sách thực hiện nhiệm vụ khuyến nông địa phương theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Chấp hành dự toán

Căn cứ vào dự toán chi ngân sách nhà nước của đơn vị được cấp có thẩm quyền giao, các đơn vị gửi hồ sơ, chứng từ đến Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch để kiểm tra, thanh toán theo quy định tại Nghị định số 347/2025/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc Nhà nước.

Điều 11. Công tác hạch toán, quyết toán

1. Cơ quan, đơn vị trực tiếp sử dụng kinh phí khuyến nông có trách nhiệm hạch toán, quyết toán kinh phí theo đúng nội dung, nhiệm vụ được giao, mục lục ngân sách nhà nước và quy định của pháp luật về kế toán, ngân sách nhà nước.

2. Đối với nhiệm vụ khuyến nông thực hiện thông qua hợp đồng giữa đơn vị thực hiện và cơ quan chủ trì, hồ sơ, chứng từ làm căn cứ thanh toán, quyết toán thực hiện theo quy định của pháp luật và hồ sơ hợp đồng, gồm: hợp đồng thực hiện nhiệm vụ kèm dự toán chi tiết được cấp có thẩm quyền phê duyệt; biên bản nghiệm thu; thanh lý hợp đồng; chứng từ thanh toán và các tài liệu có liên quan. Chứng từ chi tiêu của đơn vị trực tiếp thực hiện nhiệm vụ được lưu tại đơn vị theo quy định.

3. Đối với chương trình, kế hoạch, dự án, nhiệm vụ khuyến nông thực hiện theo phương thức giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu quy định tại khoản 2 Điều 19 Nghị định số 268/2026/NĐ-CP, hồ sơ làm căn cứ thanh toán, quyết toán thực hiện theo quy định của pháp luật về giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên.

4. Cơ quan, đơn vị trực tiếp sử dụng kinh phí khuyến nông có trách nhiệm quyết toán kinh phí được giao theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, kế toán và các quy định có liên quan.

5. Việc giao nhiệm vụ quản lý, thực hiện kinh phí khuyến nông địa phương của cấp xã do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định phù hợp với tổ chức thực hiện hoạt động khuyến nông tại địa phương.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 12. Tổ chức thực hiện

1. Mức chi cho hoạt động khuyến **nông** quy định tại Thông tư này là mức chi tối đa. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định cụ thể mức chi tại địa phương để thực hiện cho phù hợp với tình hình thực tiễn và khả năng cân đối của ngân sách địa phương. Trường hợp các địa phương chưa ban hành văn bản quy định mức chi thì các cơ quan, đơn vị được áp dụng quy định về mức chi tại Thông tư này để thực hiện.

2. Căn cứ yêu cầu nhiệm vụ, tình hình thực tế ở địa phương và khả năng cân đối của ngân sách địa phương, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định nội dung, mức chi khác phục vụ công tác khuyến **nông** bảo đảm phù hợp với quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và các quy định pháp luật hiện hành.

Điều 13. Điều khoản chuyển tiếp

1. Chương trình, kế hoạch, dự án, nhiệm vụ khuyến nông đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trước ngày Nghị định số 268/2026/NĐ-CP có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo quy định tại Điều 23 Nghị định số

268/2026/NĐ-CP; trường hợp điều chỉnh, bổ sung thì **thực hiện theo** quy định tại Thông tư này.

2. Văn bản quy định nội dung, mức chi khuyến nông do địa phương ban hành trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành được tiếp tục áp dụng theo các quy định hiện hành hoặc quy định tại Thông tư này cho đến khi có văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế.

Điều 14. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2026.

2. Thông tư số 75/2019/TT-BTC ngày 04 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện hoạt động khuyến nông và Thông tư số 84/2021/TT-BTC ngày 04 tháng 10 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 75/2019/TT-BTC hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

3. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

4. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị phản ánh về Bộ Tài chính để nghiên cứu, sửa đổi cho phù hợp./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng và các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- Các đơn vị sự nghiệp thuộc Ban Chấp hành Trung ương Đảng;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư; Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội; Văn phòng Quốc hội;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao; Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Môi trường các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Kho bạc Nhà nước;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật (Bộ Tư pháp);
- Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật;
- Công báo; Cổng Thông tin điện tử: Chính phủ, Bộ Tài chính;
- Các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, KTN (50 bản).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Thị Bích Ngọc